TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ** **----------** Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST Ngày 26/01/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ- TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh
2. Ông Trần Đình Đậu

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 /2023/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1985
ĐKHKTT: Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1980
ĐKHKTT: Tổ 39, khu 4, phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, bản tự khai ngày 16/10/2023, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/7/2008, chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T thường xuyên rượu chè, ngoại tình và có vài lần đánh chị T. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023, mỗi người một nơi, hai bên không có liên lạc gì và cũng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010. Từ khi vợ chồng ly thân, hai cháu sống cùng chị T. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 39, khu 4, phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhưng sau đó lại thường xuyên cư trú tại
Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, các văn bản tố tụng Tòa án gửi về chỗ ở hiện nay của anh T đều không có người nhận.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng kí hộ khẩu thường trú của anh T cùng với trưởng khu 4 phường N là ông Phí Văn H: Ông H xác nhận chị T và anh T đăng kí kết hôn năm 2008 tại UBND phường N, vợ chồng sống ở khu dân cư một thời gian ngắn rồi chuyển đến xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ sống đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống ở khu dân cư ông H không nắm rõ vì anh chị sống ở địa phương không lâu. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư cùng với trưởng khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ là ông Lê Văn T: Ông T xác nhận chị T và anh T sống ở khu dân cư từ năm 2013, nhưng anh T không đăng ký tạm trú mà hộ khẩu của anh T vẫn ở tại phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống ở địa phương có mâu thuẫn nhưng cụ thể thì ông T không nắm rõ, ông T chỉ biết chị T đã chuyển ra khỏi nhà từ tháng 5/2023, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai con chung đều đi theo chị T. Anh T làm thợ xây nên thường xuyên không có mặt ở nhà ban ngày, đến tối muộn mới về nhà. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hải H, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03/10/2023, chị Trần Thị Thanh T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Trọng T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Trọng T được Tòa án Tg đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn ngày 22/7/2008 tại UBND phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn theo trình bày của chị T là anh T thường xuyên rượu chè, ngoại tình và có vài lần đánh chị T. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023, mỗi người một nơi, hai bên không có liên lạc gì và cũng không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị T, anh T đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị T xin ly hôn

với anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hải H, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2010. Từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung đều sống cùng chị T.

Chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T không đến Tòa án nên không có quan điểm gì về con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng: Nguyện vọng chị T xin nuôi cả hai con chung là chính đáng vì anh T không có quan điểm gì về việc nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án, như vậy là anh T từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như trách nhiệm của người bố trong việc thể hiện quan điểm về việc nuôi dạy, chăm sóc con chung. Đồng thời, 02 con chung đều có nguyện vọng tại bản tự khai là xin được ở với chị T.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh T là giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2010 cho đến khi cả 02 con chung thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con HĐXX xét thấy chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không đề nghị gì. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T xin ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

Xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hải H, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng không có. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000374 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

" Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã (phường) nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS TP;*
- *Chi cục THADS TP. Việt Trì;.*
- *UBND P.N, TP. Việt Trì;*
- *UBND xã T, huyện L;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cẩm Vân

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Cẩm Vân

Nguyễn Cẩm Vân

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cẩm Vân